TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20-5-2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Lý.
Bà Nguyễn Thị Kiên.

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 17/02/2022 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971; Địa chỉ : Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 14/02/2022, biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn Đ có chung sống với nhau từ tháng 3 năm 2015, khi về chung sống với nhau thì gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Tuy nhiên lúc này hai bên chưa đăng ký kết hôn. Đến khi chị sinh con, phải đi làm giấy khai sinh cần giấy chứng nhận kết hôn thì ngày 29/12/2006 thì

hai bên mới đi đăng ký kết hôn tại UBND N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có cùng quan điểm trong việc làm ăn phát triển kinh tế. Nên hai bên thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 12 năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn. Anh Điện có đánh đập chỉ cũng vì lý do kinh tế, vì tiền. Chị không chịu đựng được đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Y sinh sống và ly thân anh Điện từ tháng 12/2021 cho đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng L, sinh ngày 26/3/2006 và cháu Nguyễn Công Đ, sinh ngày 08/02/2012. Nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hồng L và Nguyễn Công Đ. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện nay tôi làm công nhân tại Công ty S tại khu công nghiệp N, thu nhập của tôi khoảng 8.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có gì, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị bận công việc, đồng thời chị đã có lời khai đầy đủ và tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án nên chịvđề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Nguyễn Văn Đ.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N chung sống với nhau từ tháng 3/2005, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán ở địa phương, hai bên có đăng ký kết hôn ngày 29/12/2006 tại UBND xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến khoảng năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N đi làm ăn có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, về nhà không quan tâm chăm sóc chồng con. Anh và gia đình đôi bên đã khuyên bảo chị N nhiều lần nhưng chị N không thay đổi. Đến đầu năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn chị N đã bỏ ra ngoài sinh sống, từ đó đến nay sống ly thân với anh, không quay về chung sống cùng tôi nữa. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, gia đình đôi bên đã dàn xếp, động viên, hòa giải nhiều

lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, chị N vẫn không thay đổi tính nết. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N vẫn còn, anh vẫn có nguyện vọng mong muốn chị N thay đổi về chung sống cùng bố con anh ,nhưng nay chị N kiên quyết xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng L, sinh ngày 26/3/2006 và cháu Nguyễn Công Đ, sinh ngày 08/02/2012. Hiện nay 2 cháu đang ở cùng anh. Nay ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hồng L và cháu Nguyễn Công Đ. Về cấp dưỡng nuôi con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện nay anh làm công nhân tại khu công nghiệp N, thu nhập của tôi khoảng 12.000.000 đồng/ tháng. Đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dậy con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất nông nghiệp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh bận công việc, anh không thể đến Tòa án nhân dân huyện Y để các tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị N và anh được nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại các buổi làm việc trên.

Tại phiên tòa, chị N anh Điện đều xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của chị N, bản tự khai của anh Điện và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS.

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 53,56, 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28,35, 39, 227, 228, 271, 273, 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội BLTTDS Xử:

Về quan hệ hôn nhân**:** Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: giao 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng L, sinh ngày 26/3/2006 và cháu Nguyễn Công Đ, sinh ngày 08/02/2012 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. chị N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp đủ.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N; bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị N,anh Điện.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn Đ, anh Điện có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã Nội Hoàng, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

[3]. Về nội dung:

[3.1] .Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Y, tỉnh B vào ngày 29/12/2006. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Điện là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của chị N anh Điện: Chị N anh Điện đều xác định ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Chị N cho rằng Đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có cùng quan điểm trong việc làm ăn phát triển kinh tế. Nên hai bên thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 12 năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn. Anh

Điện có đánh đập chỉ cũng vì lý do kinh tế, vì tiền. Chị không chịu đựng được đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tổ dân phố Trung, thị trấn T, huyện Y sinh sống; phía anh Điện cho rằng khoảng năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N đi làm ăn có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, về nhà không quan tâm chăm sóc chồng con. Anh và gia đình đôi bên đã khuyên bảo chị N nhiều lần nhưng chị N không thay đổi.

Đến đầu năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn chị N đã bỏ ra ngoài sinh sống, từ đó đến nay sống ly thân với anh, không quay về chung sống cùng tôi nữa. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, gia đình đôi bên đã dàn xếp, động viên, hòa giải nhiều lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, chị N vẫn không thay đổi tính nết. Cả hai bên đều thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay, chị N xin ly hôn anh Điện, anh Điện muốn chị N về sinh sống cùng anh nhưng chị N kiên quyết xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị N

Qua xác minh tại địa phương thì thấy: Chị N và anh Điện có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã N. Anh Điện và chị N kết hôn năm 2006. Quá trình chung sống thì năm 2018 thì hai bên có mâu thuẫn, mâu thuẫn do hai bên không hợp nhau. Đầu năm 2021 thì chị N đã bỏ ra ngoài sinh sống, đến nay không chung sống cùng anh Điện nữa. Nay, chị N xin ly hôn anh Điện, địa phương đề nghị Tòa án hòa giải, nếu không hòa giải được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, chứng tỏ hôn nhân giữa chị N anh Điện đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị N và anh Điện được ly hôn.

[3.2]. Về con chung: Chị N anh Điện có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng L, sinh ngày 26/3/2006 và cháu Nguyễn Công Đ, sinh ngày 08/02/2012. Hiện nay 2 cháu đang ở cùng anh Đ. Nay ly hôn, chị N và anh Đ đều đồng ý giao cho anh Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hồng L và cháu Nguyễn Công Đ. Về cấp dưỡng nuôi con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Đ làm công nhân tại khu công nghiệp N, thu nhập ổn định khoảng 12.000.000 đồng/ tháng, đủ khả năng để nuôi dạy con, đồng thời hai con chung cũng có nguyện vọng được ở cùng anh Đ. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu L và cháu Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị N anh Đ không yêu cầu Tào án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị N quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 Luật hôn nhân gia đình.

[3.3]. Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Chị N anh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng L, sinh ngày 26/3/2006 và cháu Nguyễn Công Đ, sinh ngày 08/02/2012.

Chị N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu thu số 0009404 ngày 17/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã N;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Anh